

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỨ KỲ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33 /2021/HNGĐ-ST

Ngày: 22-12-2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Đức và ông Lê Việt Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khắc Đạo- Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 198/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1995

Nơi ĐKKHKT: thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương

Nơi ở hiện nay: thôn Đ, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương

Các đương sự đều vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn đề nghị và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/7/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 06 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau về tính cách, không có tiếng nói chung, không hòa hợp nhau trong sinh hoạt hàng ngày. Ngoài ra anh N còn có những lời nói xúc phạm chị và bố mẹ đẻ chị, mỗi lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn anh N thường hay đánh, chửi chị. Tháng 10/2021 khi con chị được đầy tháng, chị đưa con về nhà ngoại chơi và ở lại, khi anh N đến thăm con thì tỏ ra chê bai, khinh miệt gia đình chị, bố mẹ chị tham gia góp ý thì anh N còn cãi nhau với bố mẹ chị rồi bế con về nhà anh N mà không nói với chị câu nào, khi chị đi theo về đến nhà thì anh N không cho chị vào nhà còn chửi, đuổi chị đi. Ngày 03/11/2021 anh N gọi điện nói nếu chị muốn về nhà gặp và cho con bú thì phải bỏ từ ngoài ngõ vào trong nhà thì mới cho gần con. Ngày 04/11/2021 khi chị về nhà, anh N đánh đập chửi bới chị nên chị không vào nhà được mà phải về nhà bố mẹ đẻ ở. Ngày 09/11/2021 chị làm đơn đến UBND xã

M để nhờ can thiệp thì anh N mới cho chị vào nhà. Tuy nhiên thời gian ở nhà anh N vẫn tiếp tục đánh chửi chị, vì con còn nhỏ nên chị đã cố gắng nhẫn nhịn, nhưng anh N liên tục có những hành động lời nói khiến chị căng thẳng, suy sụp, lo lắng và luôn bị mất ngủ nên chị về nhà bố mẹ đẻ ở, mặc dù muốn mang con theo nhưng anh N không cho chị bế con đi cùng. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, không thể đoàn tụ nên có đơn khởi kiện đề nghị TAND huyện Tứ Kỳ giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

+ Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Ánh D, sinh ngày 25/9/2021, hiện đang ở cùng anh N và bà nội. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Chị T trước khi sinh con làm công nhân tại Công ty S có trụ sở tại xã M, có mức thu nhập bình quân khoảng 4.500.000đ chưa kể tăng ca sẽ có mức thu nhập cao hơn, nếu được giao nuôi con chị sẽ đón con về ở cùng bố mẹ chị tại thôn Đ, xã H, huyện G, tỉnh Hải Dương. Bố mẹ chị ở nhà nuôi trồng thủy sản nên có điều kiện hỗ trợ chị trong việc nuôi và chăm sóc con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh N không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:*

+ Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị T đã trình bày là đúng. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống tại thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến ngày 28/10/2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do có lần vợ chồng cho con về nhà ngoại chơi, bố vợ anh mời anh uống rượu nhưng anh từ chối vì bố vợ anh bị sơ gan cổ chướng phải kiêng rượu, mẹ vợ anh thì nói do anh mua bím đều cho con mặc nên anh đã có những lời nói khiến bố mẹ vợ anh hiểu lầm anh xúc phạm, coi thường, khinh miệt gia đình vợ nên đã bắt chị T phải lựa chọn giữa anh và gia đình còn giữa anh và chị T không có mâu thuẫn gì. Trưa ngày 02/11/2021 chị T nhắn tin cho anh đòi ly hôn và bảo anh đến đón con về nhà nuôi nên anh đã đến để đón con về còn chị T vẫn ở nhà bố mẹ đẻ. Ngày 05/11/2021, khi chị T về nhà, do còn bức xúc việc chị T không về cùng con khi anh đến đón khiến con không được bú sữa mẹ mà phải ăn sữa ngoài, chị T lại có những lời nói thiếu tôn trọng anh nên anh đuổi chị T đi. Đến nay chị T xin ly hôn anh thì anh không đồng ý vì anh vẫn còn tình cảm với chị T và hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, anh mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung. Nếu chị T kiên quyết ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

+ Về con chung: Anh N xác định lời trình bày của chị T về số lượng con chung, tên tuổi, ngày tháng năm sinh của con chung là đúng. Hiện con chung đang ở cùng anh và bà nội. Nếu anh và chị T ly hôn, anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con vì từ khi con được 01 tháng 08 ngày tuổi chị T đã bỏ con lại cho anh nuôi, không cho con bú, con hiện phải ăn sữa ngoài. Từ khi chị T sinh con, toàn bộ chi phí sinh hoạt cho con do anh chu cấp, anh N có nhà riêng rộng rãi, thoáng mát, bản thân anh

đang làm kinh doanh, có cửa hàng riêng, mức thu nhập hàng tháng là 20.000.000đ nên điều kiện nuôi con tốt hơn chị T. Mặt khác, chị T ở cùng bố mẹ nhà cửa chật chội, nơi ăn ở không sạch sẽ thoáng mát nên việc nuôi con không bảo đảm. Ngoài ra mẹ đẻ anh trước đây có đi làm nhưng từ khi chị T sinh con thì không đi làm nữa mà ở nhà hỗ trợ anh trong việc nuôi và chăm sóc con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị T không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại biên bản lấy lời khai bà Phạm Thị Q là mẹ đẻ anh N, bà Q trình bày: Anh N và chị T được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì có sự việc khi chị T đưa con về nhà ngoại chơi, anh N đến thăm con, giữa anh N và bố mẹ vợ có sự hiểu lầm dẫn đến vợ chồng anh N mâu thuẫn lời qua tiếng lại, thách thức, thiếu tôn trọng nhau, khi chị T từ nhà ngoại về do đang tức giận nên anh N bắt chị T phải quỳ, bò từ cổng vào nhà để xin lỗi nhưng chị T không làm nên anh N không cho chị vào nhà, có lần anh N dùng vợt muỗi đập vào đầu chị T, thấy vậy bà đã can ngăn, nhưng anh N chị T vẫn tiếp tục to tiếng, sau đó chị T báo cáo chính quyền địa phương và được địa phương hòa giải. Đến nay chị T xin ly hôn anh N thì bà có quan điểm không muốn anh chị ly hôn nhưng anh chị đã trưởng thành nên tự quyết định. Đối với con chung của anh N và chị T, bà có quan điểm con chung con nhỏ nên giao cho chị T nuôi sẽ tốt hơn còn nếu giao con cho anh N nuôi bà sẽ hỗ trợ anh N trong việc nuôi và chăm sóc con vì từ ngày chị T sinh con bà đã nghỉ công việc ở ngoài để ở nhà trông cháu.

- Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị C là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị T, bà Chung trình bày: chị T, anh N qua thời gian tự do tìm hiểu tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo luật định. Quá trình chung sống anh chị xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh N coi thường gia đình bà, thiếu tôn trọng và thường xuyên đánh chửi chị T. Đặc biệt thời gian chị T mới sinh nên cho con về nhà bà để ở, anh N đến chơi thăm con, gia đình bà mời anh N ăn cơm thì anh N có lời nói xúc phạm, khinh miệt, chê bai gia đình bà nghèo, ăn ở không sạch sẽ. Ngoài ra nhiều lần bà nghe, chứng kiến việc anh N thường xuyên đánh chửi, gọi điện xúc phạm chị T. Nay chị T xin ly hôn anh N, bà đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật. Về con chung, bà đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T nuôi dưỡng, bà hiện ở nhà nuôi trồng thủy sản, nhà cửa rộng rãi thoáng mát nên đủ điều kiện để hỗ trợ chị T trong việc nuôi và chăm sóc con.

- Tại biên bản xác minh với lãnh đạo UBND xã M, đại diện cán bộ lao động thương binh xã hội xã và Trưởng thôn Q, Chi hội phụ nữ thôn Q thể hiện: Anh N và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo luật định. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống tại địa phương. Sáng ngày 09/11/2021, UBND xã nhận được đơn của chị T về việc anh N ngăn cản chị gặp con, đánh đuổi không cho chị vào nhà. Cùng ngày, UBND xã và Công an xã đã cử cán bộ đến nhà anh N để hòa giải, động viên hai vợ chồng. Sau khi được hòa giải, địa phương không nhận được đơn hay ý kiến nào từ phía chị T về việc vợ chồng tiếp tục mâu thuẫn. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh N, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án hòa giải để anh chị bỏ qua lỗi lầm, đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con cái. Về con chung anh N và chị T có 01 con chung, trường hợp anh chị không thể đoàn tụ được,

do con chung còn nhỏ nên đề nghị Tòa án giao con chung cho chị T chăm sóc nuôi dưỡng để đảm bảo cho con chung có sự phát triển tốt nhất.

Tại phiên toà, chị T và anh N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N; Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Ngọc Ánh D, sinh ngày 25/9/2021 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T, anh N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn, tranh chấp nuôi con giữa chị và anh Nguyễn Văn N, tại thời điểm thụ lý vụ án anh N sinh sống tại thôn Q, xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương. Do đó TAND huyện Tứ Kỳ thụ lý để giải quyết là đúng về thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[1.2] Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N sau khi nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án xét xử vắng mặt chị T và anh N theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 02/7/2020 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa hợp nhau về tính cách, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, thậm chí đánh nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh N là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị T và anh N có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Ánh D, sinh ngày 25/9/2021, hiện đang ở cùng anh N, khi ly hôn chị T và anh N đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy nguyện vọng nuôi con của chị T

và anh N là chính đáng, chị T và anh N có đủ điều kiện để nuôi con như có công việc, thu nhập ổn định, có nhà ở và có bố mẹ hỗ trợ trong việc nuôi con. Tuy nhiên cháu Ánh D tính đến thời điểm xét xử mới được gần 03 tháng tuổi, còn rất nhỏ nên sự quan tâm chăm sóc của người mẹ là hết sức cần thiết. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt và sự phát triển của con chung, cần giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Ngọc Ánh D. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Anh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị T và anh N đều trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ nên không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết trong vụ án.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn N

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Ngọc Ánh D, sinh ngày 25/9/2021 cho đến khi con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi), (hiện con chung đang ở cùng anh Nguyễn Văn N). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Hôn nhân gia đình) được đối trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004342 ngày 22/11/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương. Chị T đã nộp đủ

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, báo cho chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn N biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Minh Đức, huyện Tứ Kỳ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Thành